



TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ BẮC GIANG



TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024

 0204.3823995

 cucthongkebacgiang.gso.gov.vn



Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024



CÂY HÀNG NĂM

Diện tích gieo trồng một số cây trồng vụ đông (so với cùng kỳ 2023)

Diện tích gieo trồng cây vụ đông tính đến 20/11/2024 ước đạt 22,8 nghìn ha, tăng 18% so với cùng kỳ 2023

4,9
nghìn ha

Ngô

↑ **10** %

1,9
nghìn ha

Khoai lang

↑ **15,4** %

0,9
nghìn ha

Lạc

↑ **4,4** %

13,3
nghìn ha

Rau các loại

↑ **21,1** %

Số lượng đàn vật nuôi tháng 11 năm 2024 so với cùng kỳ 2023

27,8
nghìn con



Trâu

↓ **2,0** %

102,1
nghìn con



Bò

↓ **2,4** %

924,2
nghìn con



Lợn

↑ **0,6** %

17,3
Triệu con



Gà

↑ **1,9** %



Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Sản lượng một số cây hàng năm 11 tháng 2024 so với cùng kỳ 2023

45,3

nghìn tấn

Ngô

↑ **2,7** %

40,6

nghìn tấn

Khoai lang

↑ **3,2** %

19,9

nghìn tấn

Lạc

↓ **1,9** %

465,2

nghìn tấn

Rau các loại

↓ **0,2** %

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 10 tháng năm 2024 so với cùng kỳ 2023

1,6

nghìn tấn



Trâu

↓ **2,5** %

4,8

nghìn tấn



Bò

↓ **1,5** %

167,0

nghìn tấn



Lợn

↑ **4,1** %

91,9

nghìn tấn



Gà

↑ **6,2** %





Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 11 THÁNG NĂM 2024

9818 ha

Trồng rừng
tập trung

↓ **1,2%**

4537 ha

Trồng cây
phân tán

↑ **1,9%**

824,8
nghìn m³

Sản lượng
gỗ

↑ **4,0%**



SẢN XUẤT THỦY SẢN 11 THÁNG NĂM 2024

49,9
nghìn tấn

SẢN LƯỢNG
THỦY SẢN

↑ **0,6%**

47,2
nghìn tấn

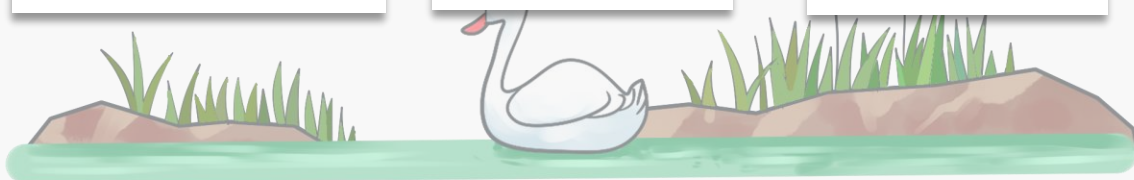
Sản lượng
nuôi trồng

↑ **0,7%**

2,7
nghìn tấn

Sản lượng
khai thác

↓ **1,8%**





Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Chỉ số sản xuất công nghiệp so với cùng kỳ

Tháng 11 năm 2024 tăng 29,78%, 11 tháng 2024 tăng 27,73 %

Khai khoáng



↓ 19,34 %

↑ 0,93 %

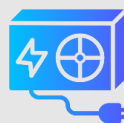
Chế biến,
chế tạo



↑ 30,32 %

↑ 28,26 %

Sản xuất phân
phối điện ...



↑ 3,24 %

↑ 1,35 %

Cung cấp nước,
xử lý rác ...



↑ 6,03 %

↑ 6,18 %

Tháng 11 năm 2024

11 tháng 2024

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ

Bộ com-lê,
quần áo...



19,6 triệu cái

↑ 30,3 %

214,1 triệu cái

↑ 28,3 %

Mạch điện
tử tích hợp



40,7 triệu cái

↑ 18,9 %

408,9 triệu cái

↑ 25,4 %

Đồng hồ giá
6 đến 10 triệu



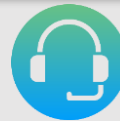
715 nghìn cái

↑ 19,8 %

5,3 triệu cái

↑ 43,3 %

Tai nghe có
nối micro



12,5 triệu cái

↑ 49,7 %

95,8 triệu cái

↑ 45,3 %

Tháng 11 năm 2024

11 tháng 2024



Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Tổng số vốn đầu tư từ nguồn ngân sách tháng 11 năm 2024

844,5 tỷ đồng



↓ 49,9 %

499,6 tỷ đồng

Ngân sách
cấp tỉnh

↓ 40,7 %

344,2 tỷ đồng

Ngân sách
cấp huyện

↓ 58,4 %

10,8 tỷ đồng

Ngân sách
cấp xã

↓ 66,5 %

11 tháng năm 2024 tổng số vốn đầu tư từ nguồn ngân sách ước đạt 6,4 nghìn tỷ đồng, giảm 38,7% so với cùng kỳ 2023

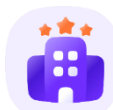
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 năm 2024 đạt 5,9 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1%



Bán lẻ hàng
hoá

4152
Tỷ đồng

↑ 12,6 %



Lưu trú ăn
uống

485,4
Tỷ đồng

↑ 4,2 %



Du lịch lữ
hành

6,2
Tỷ đồng

↑ 49,3 %



Dịch vụ
khác

1258
Tỷ đồng

↑ 18,3 %

11 tháng năm 2024 tổng mức BLHH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 61,0 nghìn tỷ đồng, tăng 15,7% so với cùng kỳ



Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Vận tải hành khách và hàng hóa tháng 11 so với cùng kỳ



Vận tải hành khách

Vận chuyển
4,6 triệu lượt khách
↑ 4,5 %

Luân chuyển
194,6 triệu lượt HK.km
↑ 9,6 %

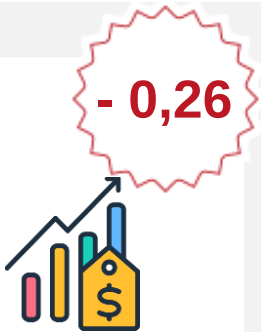


Vận tải hàng hoá

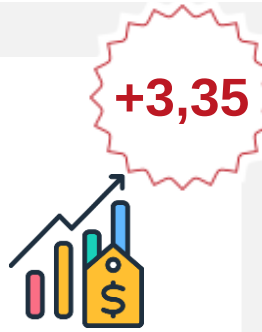
Vận chuyển
8,2 triệu tấn
↑ 3,4 %

Luân chuyển
208,8 triệu tấn.km
↑ 3,7 %

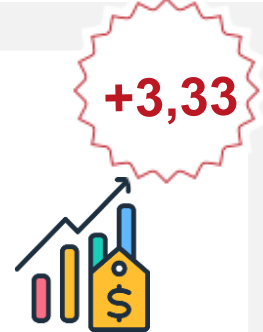
Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 11 năm 2024 so với



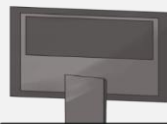
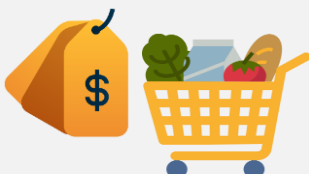
Tháng trước



Cùng kỳ



11 tháng so
cùng kỳ



CPI



Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024

Y tế

Kết quả khám chữa bệnh tháng 11 năm 2024



5330

Giường bệnh



183,9 nghìn

Lượt khám



108,9 %

Công suất GB

Số ca mắc bệnh dịch tháng 11 năm 2024 so với cùng kỳ

Viêm
gan vi
rút



129 ca

↓ 14 ca

Thủy
đậu



44 ca

↓ 3 ca

Tiêu
chảy



343 ca

↑ 154 ca

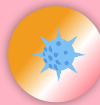
Sốt
xuất
huyết



51 ca

↓ 188 ca

Quai
bị



16 ca

↑ 6 ca

Cúm



686 ca

↑ 177 ca

Trật tự, an toàn xã hội 11 tháng năm 2024

301 vụ



Tai nạn giao
thông

178 người chết

159 người bị thương

29 vụ



Cháy, nổ

4 người chết, 6 người bị thương

Thiệt hại 1.371 triệu đồng